

Số: *154* /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày *05* tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung danh sách hỗ trợ người thuộc hộ nghèo,
hộ cận nghèo gặp khó khăn do đại dịch Covid-19
trên địa bàn huyện Mường Chà**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Tiếp theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt danh sách hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, cận nghèo gặp khó khăn do đại dịch Covid – 19 trên địa bàn huyện Mường Chà;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 193/TTr-SLĐTBXH ngày 28/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh sách và kinh phí hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn huyện Mường Chà, cụ thể như sau:

- Tổng số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo: 555 người, trong đó:
 - + Người thuộc hộ nghèo 445 người.
 - + Người thuộc hộ cận nghèo 110 người.
- Tổng số kinh phí hỗ trợ bổ sung 416.250.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm mười sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*), trong đó:
 - + Người thuộc hộ nghèo 333.750.000 đồng.
 - + Người hộ cận nghèo: 82.500.000 đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ được bố trí từ 50% dự phòng ngân sách địa phương (cấp huyện, cấp xã); nguồn cải cách tiền lương còn dư (nếu có); nguồn

viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có). Trường hợp sau khi sử dụng các nguồn trên không đủ để thực hiện, yêu cầu UBND huyện Mường Chà báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) tình hình thực hiện, nhu cầu kinh phí còn thiếu để tổng hợp, trình UBND tỉnh cấp bổ sung kinh phí thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Mường Chà phối hợp với Bưu điện tỉnh và các cơ quan đơn vị có liên quan thực hiện việc chi tiền hỗ trợ cho đối tượng có tên trong danh sách tại Điều 1 đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mường Chà, các đơn vị có liên quan và đối tượng có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, KGVX^(LVC) 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ A Bằng

3

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

DANH SÁCH BỔ SUNG NGƯỜI THUỘC HỘ NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MƯỜNG CHÀ

(Kèm theo Quyết định số 154 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
A	B						1	2	3	4=2*3	5
I	Xã Pa Ham										
1	Điền Văn Lâm	1959		040284582	Chủ hộ	Bản Mường Anh I	4	3	750,000	2,250,000	
	Điền Minh Quang	22/8/2006			Cháu	Bản Mường Anh I					Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Điền Bích Ngọc		19/10/2015		Cháu	Bản Mường Anh I					Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Điền Mạnh Quân	07/10/2015			Cháu	Bản Mường Anh I					Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
2	Sùng A Cho	02/12/1979			Chủ hộ	Bản Huổi bon	6	1	750,000	750,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
3	Sùng Khua Dính	06/8/1973			Chủ hộ	Bản Huổi Bon	9	1	750,000	750,000	
	Vừ Thị Chu		01/01/1946		Mẹ	Bản Huổi Bon					Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
4	Lò Văn Xương				Chủ hộ	Bản Pa Ham	5	1	750,000	750,000	
	Lò Minh Duy	20/12/2019			Con	Bản Pa Ham					Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
5	Vừ Thị Chí		01/01/1952		Chủ hộ	Bản Huổi Cang	1	1	750,000	750,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu hộ
	Cộng: 05 hộ						25	7	750,000	5,250,000	
II	TT Mường Chà										

TT	Họ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
1	Tòng Văn Vần				Chủ hộ	TDP số 2	3	1	750,000	750,000	
	Quảng Thị Yến		25/08/1992	040446981	Vợ						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
2	Tòng Thị Thân				Chủ hộ	TDP số 2	3	1	750,000	750,000	
	Quảng Tòng Bảo Nam	04/04/2017			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
3	Lù Thị Ính				Chủ hộ	TDP số 2	3	1	750,000	750,000	
	Lù Nguyên Đan Nhi		12/06/2015		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
4	Lò Thị Ánh				Chủ hộ	TDP số 2	6	2	750,000	1,500,000	
	Lò Như Ý		17/8/2016		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Lò Uyển Như		20/9/2018		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
5	Vàng A Câu			040293070	Chủ hộ	TDP số 10	6	1	750,000	750,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
6	Vàng Sáy Vừ	1950			Chủ hộ	TDP số 10	4	1	750,000	750,000	
	Cháng Thị Mai		1988		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
7	Sùng A Tủa	20/4/1975			Chủ hộ	TDP số 6	7	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Trang Thị Thắng		16/9/1975		Vợ						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
8	Cháng A Chớ	13/3/1990			Chủ hộ	TDP số 6	10	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Giàng Thị Hải		10/8/1995		Vợ						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
9	Cháng A Sỉ	1994			Chủ hộ	TDP số 6	6	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Lý Thị Mỹ		15/7/1996		Vợ						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
10	Vàng A Vàng	1984		040678903	Chủ hộ	TDP số 10	6	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Sùng Thị Dợ		1984		Vợ						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Cộng: 10 hộ						54	15	750,000	11,250,000	
III	Xã Na Sang										
1	Lò Văn Săn (B)	1985		040685040	Chủ hộ	Bản Co Đưa	5	1	750,000	750,000	
	Lò Thị Von		1913		mẹ						Bổ sung do lập nhầm đối tượng BTXH
2	Hờ A Sự	1930			Chủ hộ	Bản Huổi Xuân	6	1	750,000	750,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
3	Hờ A Trầu	1978			Chủ hộ	Bản Huổi Xưa	11	4	750,000	3,000,000	
	Hờ Thị Cúa		2014		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Thào Thị Hờ		1994		Con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Hờ A Anh	2012			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Hờ Thị Xung		2005		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
4	Vàng Chứ Chia	1955			Chủ hộ	Bản Huổi Xưa	9	2	750,000	1,500,000	
	Vàng Thị Chi		2019		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Vàng A Mạnh	2012			Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
5	Lường Văn Minh			040378906		Bản Hìn I	8	1	750,000	750,000	
	Lường Hải Đăng	2018			Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
6	Thào A Trư (Vá Trư)	1972		040384820	Chủ hộ	Bản Huổi Hạ	16	1	750,000	750,000	
	Thào Thị Sua		2008		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
7	Quàng Văn Thu	1972			Chủ hộ	Bản Co Đũa	8	1	750,000	750,000	
	Quàng Văn Khắc Hoàn	2018			Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
8	Vàng Dụ Dếnh (Dủ Dếnh)	1952			Chủ hộ	Bản Nậm Bó	11	1	750,000	750,000	
	Vàng Thị Dứa		2004		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
9	Quàng Văn Xanh	1992			Chủ hộ	Bản Na Sang	4	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Lường Thị Kiêm		1992		Vợ						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
10	Lường Văn Và	1972			Chủ hộ	Bản Hìn I	9	2	750,000	1,500,000	
	Lường Văn Quý	1993			Con						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Lường Văn Thúy	1995			Con						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
11	Lường Văn Mường (Sắc)	1950			Chủ hộ	Bản Hìn I	6	2	750,000	1,500,000	
	Lường Văn Thừa	1990			Con						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Lò Thị Dân		1978		Con dâu						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
12	Lường Văn Đồi (Tinh)	1956			Chủ hộ	Bản Hìn I	6	1	750,000	750,000	
	Lường Văn Nội	1988			con						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
13	Sìn Văn Ún	1989			Chủ hộ	Bản Hìn I	4	1	750,000	750,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
14	Sìn Văn Ia	1977		040378911	Chủ hộ	Bản Hìn I	4	2	750,000	1,500,000	

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Sin Văn Hương (Hường)	1995			Con						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Lò Thị Hương		1993		Con dâu						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
15	Lò Văn Đồi (Đôi)	1963			Chủ hộ	Bản Hin I	6	1	750,000	750,000	
	Lò Văn Hương	1995									Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
16	Lường Văn Láo	1991			Chủ hộ	Bản Hin II	4	1	750,000	750,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
17	Lò Văn Kha	1992			Chủ hộ	Bản Co Đũa	5	1	750,000	750,000	
	Quàng Thị Ngọc		1997		Vợ						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
18	Lò Văn Thanh	1983			Chủ hộ	Bản Co Đũa	6	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Quàng Thị Viên		1985		Vợ						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
19	Lò Văn Léch	1996			Chủ hộ	Bản Co Đũa	4	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Quàng Thị Nang		1990		Vợ						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Công: 19 hộ						132	29	750,000	21,750,000	
IV	Xã Huổi Lèng										
1	Hồ Thị Máy		1980	040378717	chủ hộ	Bản Huổi Tóong 2	6	1	750,000	750,000	
	Thào Ngọc Hà		2012		con						Bổ sung do lập nhầm đối tượng BTXH
2	Giàng A Tùng	1974		040378857	chủ hộ	Bản Trung Đình	9	4	750,000	3,000,000	
	Giàng Thị Ngọc		2002		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Thương		2005		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Trung Sơn	2016			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Tuấn Phong		2019		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
3	Giàng A Thào	27/05/1905		040432621	chủ hộ	Bản Trung Đình	3	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Xuân		2007		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
4	Vừ A Đình	02/7/1990		040378541	Chủ hộ	Bản Ma Lù Thàng	6	1	750,000	750,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
5	Giàng Chồng Tro	22/11/1984		040675478	Chủ hộ	Bản Ma Lù Thàng	9	2	750,000	1,500,000	
	Giàng Thị Mò		2013		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Sinh		2005		em						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
6	Sùng A Tú	1983		040684258	Chủ hộ	Bản Nậm Chua	9	1	750,000	750,000	

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Sùng Hồ Dũng	01/01/2007			Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
7	Mùa A Giảng	1983		040433067	chủ hộ	Bản Trung Đình	6	1	750,000	750,000	
	Mùa A Dính	05/10/2004			con						Bổ sung do lập nhầm đối tượng BTXH
8	Giảng A Hạng	1994		040687931	chủ hộ	Bản Trung Đình	4	1	750,000	750,000	
	Giảng Thị Thu		13/09/2014		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
9	Sần Tỷ Chớ	1981		040677890	chủ hộ	Bản Huổi Lèng	6	1	750,000	750,000	
	Sần Sếng Lài	01/11/2007			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
10	Hạng A Tú	1985			chủ hộ	Bản Trung Đình	7	1	750,000	750,000	
	Mùa Thị Chứ		'01/3/1984		Vợ						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
11	Vừ Cá Trừ	01/01/1981			chủ hộ	Bản Ma Lù Thàng	6	1	750,000	750,000	
	Vừ Thị Chía		2000		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
12	Vừ A Hồ	1978		40354429	Chủ hộ	Bản Ma Lù Thàng	11	1	750,000	750,000	
	Vừ Thị Dể		2001		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
13	Kháng A Hồ	1996			chủ hộ	Bản Huổi Tóong 2	10	2	750,000	1,500,000	
	Kháng Thị Ảnh		2002		Em dâu					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Kháng A Bia	2018			Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
14	Cháng Vàng Dính	1975			chủ hộ	Bản Ca Dính Nhè	9	3	750,000	2,250,000	
	Hồ Thị Tàng		2001		Con dâu					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Cháng Thị Chồng		2018		con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Cháng A Lan	2019			con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
15	Hạng Chứ Chia	1961			chủ hộ	Bản Trung Đình	9	3	750,000	2,250,000	
	Hồ Thị Din		1999		Con dâu					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Hạng A Hậu	2015			Cháu					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Hồ A Trung	2016			Cháu					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
16	Cháng A Lồng	1981			chủ hộ	Bản Huổi Tóong 1	3	1	750,000	750,000	
	Cháng Thị Bầu		2005		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
17	Hạng A Sử	1976			chủ hộ	Bản Trung Đình	8	1	750,000	750,000	
	Hạng Thị Ganh		1983							0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Cộng: 17 hộ						121	26	750,000	19,500,000	
V	Xã Nậm Nền										
1	Lò Thị Một		1964		Chủ hộ	Bản Hô Mức	4	1	750,000	750,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
2	Chàng Văn Tân	1975		040270677	Chủ hộ	Bản Hô Mức	5	1	750,000	750,000	

TT	Họ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Chàng Thị Chiêu		16/7/1999		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
3	Lò Văn Tươi	1985		040675992	Chủ hộ	Bản Hồ Mức	4	1	750,000	750,000	
	Sin Thị Nhân		20/11/2004		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
4	Khoảng Văn Sơn	1969		040677475	Chủ hộ	Bản Hồ Mức	11	2	750,000	1,500,000	
	Lò Thị Diệp		2008		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Lò Văn Khỏ	2010			Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
5	Điều Chính Danh	1989		040677157	Chủ hộ	Bản Nậm Nền II	4	1	750,000	750,000	
	Điều Thị Linh Lan		08/12/2012		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
6	Vừ Súa Dơ	1973			Chủ hộ	Háng Trở	12	2	750,000	1,500,000	
	Vừ Văn Thương	2019			Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Vừ Thị Sung		01/01/2000		C.dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
7	Sin Thị Pâng		1976		Chủ hộ	Phiêng Đất A	4	1	750,000	750,000	
	Lò Thị Đôi		05/02/1994		C.dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
8	Khoảng Văn Linh	1988		040686559	Chủ hộ	Phiêng Đất A	4	1	750,000	750,000	
	Khoảng Tri Ân	12/02/2019			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
9	Giảng Súa Thảo	1976		040349189	Chủ hộ	Cứu Táng	9	2	750,000	1,500,000	

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Lý Thị Vang		20/9/2000								Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Phương Anh		21/12/2019								Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
10	Ly A Dính	1988		040342238	Chủ hộ	Cứu Táng	6	1	750,000	750,000	
	Ly A Sử	1999			em						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Cộng: 10 hộ						63	13	750,000	9,750,000	
VI	Xã Mường Tùng										
1	Giàng A Hua	01/01/1997			Chủ hộ	Bản Huổi Chá	4	4	750,000	3,000,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu hộ
	Chang Thị Cúc		20/9/1995		Vợ						
	Giàng A Cùng	06/02/2015			Con						
	Giàng A Long	06/12/2016			Con						
2	Giàng A Ma	04/6/1997			Chủ hộ	Bản Huổi Chá	5	5	750,000	3,750,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu hộ
	Ly Thị Chừ		01/01/1997		Vợ						
	Giàng Thị Nú		11/02/2014		Con						
	Giàng Thị Nà		08/11/2017		Con						
	Giàng Thị Nùng		28/6/2019		Con						
	Cộng: 02 hộ						9	9	750,000	6,750,000	

TT	Họ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
VII	Xã Ma Thì Hồ										
1	Sùng Chứ Nặng	1960			Chủ hộ	Bản Ma Thì Hồ II	6	1	750,000	750,000	
	Sùng A Quy	2017			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
2	Hồ A De	1987			Chủ hộ	Bản Ma Thì Hồ II	7	1	750,000	750,000	
	Hồ Thị Dung		2003		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
3	Sùng Nhè Câu	1977		040433306	Chủ hộ	Bản Ma Thì Hồ II	9	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Chứ		2003		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
4	Thào Giồng Dờ	1970		040685153	Chủ hộ	Bản Huổi Quang I	13	1	750,000	750,000	
	Thào Thị Dừa		2002		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
5	Thào A Di	1981		040438368	Chủ hộ	Bản Huổi Quang I	12	1	750,000	750,000	
	Thào Thị Xú		2010		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
6	Sùng A Say	1981			Chủ hộ	Bản Ma Thì Hồ I	6	1	750,000	750,000	
	Sùng A Thanh	2017			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
7	Mùa A Sáng	1962		040446419	Chủ hộ	Bản Ma Thì Hồ I	8	2	750,000	1,500,000	
	Mùa Thị Tấu		1999		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Mùa Thị Dợ		2000		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
8	Hồ A Say	1962			Chủ hộ	Bản Ma Thi Hồ I	6	1	750,000	750,000	
	Hồ Thị Kía		1997		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
9	Mùa A Phía	1969		040433868	Chủ hộ	Bản Ma Thi Hồ I	12	2	750,000	1,500,000	
	Mùa Thị Sầu		2002		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Mùa Thị Xanh		2006		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
10	Vừ A Dung	1979		040433063	Chủ hộ	Bản Hồ Chim II	8	2	750,000	1,500,000	
	Vừ Thị Dua		2004		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Vừ Thị Pàng		2006		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
11	Sùng A Chia	1960			Chủ hộ	Bản Hồ Chim II	3	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Say		2009		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
12	Lý Chá Đế	1962			Chủ hộ	Bản Nậm Chim	9	1	750,000	750,000	
	Lý Thị Pà		1997		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
13	Lý Cá Châu	1974			Chủ hộ	Bản Nậm Chim	5	1	750,000	750,000	
	Lý A Công		2014		cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
14	Sùng A Dững	1989		040677079	Chủ hộ	Bản Nậm Chim	4	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Mai Hương		2014		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Họ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
15	Sùng Pà Dia	1959			Chủ hộ	Bản Nậm Chim	10	1	750,000	750,000	
	Sùng A Na				con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
16	Cháng A Thánh	1972		040343321	Chủ hộ	Bản Huổi Quang II	11	1	750,000	750,000	
	Cháng Thị Cá		2002		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
17	Vàng A Thánh	1980		040285485	Chủ hộ	Bản Huổi Quang II	5	1	750,000	750,000	
	Vàng Thị Sí		2002		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
18	Cháng A Tàng	1978			Chủ hộ	Bản Huổi Sang	7	1	750,000	750,000	
	Cháng Thị May		2002		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
19	Cháng A Lẻnh	1962			Chủ hộ	Bản Huổi Y	6	1	750,000	750,000	
	Cháng Thị Tàng		2006		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
20	Phàng A Sinh	1960			Chủ hộ	Bản Huổi Chua	11	3	750,000	2,250,000	
	Phàng Kinh Chi		2015		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Phàng Bình Phước	2016			Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Ly Thị Bầu		1998		Con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
21	Phàng A Dính	1968			Chủ hộ	Bản Huổi Chua	11	1	750,000	750,000	
	Phàng Thị Sông				con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
22	Sùng A Hòa	1988		040446126	Chủ hộ	Bản Làng Dung	6	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Tâm Lá		2004		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
23	Sùng A Tinh	1990			Chủ hộ	Bản Làng Dung	7	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Hảo		2018		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
24	Sùng Thị Mây		1989		Chủ hộ	Bản Làng Dung	4	1	750,000	750,000	
	Vừ A An	2012			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
25	Giàng A Dia	1993			Chủ hộ	Bản Làng Dung	5	1	750,000	750,000	
	Giàng A Thanh	2019			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
26	Sùng A Chia	1978			Chủ hộ	Bản Làng Dung	7	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Ngọc		2016		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
27	Sùng A Dừng	1973			Chủ hộ	Bản Làng Dung	10	3	750,000	2,250,000	
	Sùng A Di	2014			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Sùng Thị Nhiên		2015		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Sùng Thị Giao		2018		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
28	Sùng A Lữ	1984			Chủ hộ	Bản Làng Dung	6	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Hiền		2005		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Họ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
29	Vừ Chừ Câu	1968		040446252	Chủ hộ	Bản Làng Dung	9	2	750,000	1,500,000	
	Vừ Thị Đĩa		2016		cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Vừ A Việt	2017			cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
30	Giàng Văn Hồ	1964			Chủ hộ	Bản Hồ Chim I	8	2	750,000	1,500,000	
	Giàng Thị Kía		2018		cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Dung		2002		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
31	Vừ A Mua	1976		040226743	Chủ hộ	Bản Hồ Chim I	6	1	750,000	750,000	
	Vừ Giàng Phòng	2005			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
32	Cháng Giông Dính	1966			Chủ hộ	Bản Hồ Chim I	11	1	750,000	750,000	
	Cháng Thị Chúng		2007		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
33	Vừ Chừ Sinh	1977			Chủ hộ	Bản Hồ Chim I	6	1	750,000	750,000	
	Vừ A Chí	1999			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
34	Vừ A Sú	1994			Chủ hộ	Bản Hồ Chim I	3	1	750,000	750,000	
	Vừ Thị Cửa		2019		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
35	Cháng A Phứ	1958		040254706	Chủ hộ	Bản Hồ Chim I	10	1	750,000	750,000	
	Cháng Thị Dợ		2003		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
36	Sùng A Pháng	1978		040446178	Chủ hộ	Bản Hồ Chim I	7	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Sao		2000		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
37	Giàng Trung Tá	1976		040384634	Chủ hộ	Bản Hồ Chim I	7	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Sinh		2004		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
38	Vừ Cá Náng	1976		040328093	Chủ hộ	Bản Hồ Chim I	9	1	750,000	750,000	
	Vừ Thị Viên		2000		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
39	Giàng A Chỏ	1974			Chủ hộ	Bản Huổi Mỹ	8	1	750,000	750,000	
	Giàng A Sú	2016			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
40	Cháng A Ly	1987			Chủ hộ	Bản Huổi Mỹ	7	2	750,000	1,500,000	
	Cháng Thị Gánh		2006		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Cháng Thị Su		2015		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
41	Cháng A Chia	1978			Chủ hộ	Bản Huổi Mỹ	8	1	750,000	750,000	
	Cháng A Chua	2006			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
42	Giàng Sía Tú	1982			Chủ hộ	Bản Huổi Mỹ	8	3	750,000	2,250,000	
	Giàng A Páo	2007			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Phương		2018		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Giàng Khoa Vừ	1955			Bố						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
43	Lý A Cửa	1980			Chủ hộ	Bản Huổi Mỹ	6	1	750,000	750,000	
	Lý A Chỉ	2018			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
44	Giàng A Sùng	1986			Chủ hộ	Bản Huổi Mỹ	7	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Hoa		2006		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
45	Giàng A Páo	1970			Chủ hộ	Bản Huổi Mỹ	6	2	750,000	1,500,000	
	Giàng Thị Day		2003		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Sáo		1986		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Cộng: 45 hộ						340	58	750,000	43,500,000	
VIII	Xã Mường Mườn										
1	Mùa A Dế				Chủ hộ	Bản Huổi Ho	6	1	750,000	750,000	
	Mùa A Thề	2016			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
2	Mùa A Nhè				Chủ hộ	Huổi Meo	3	1	750,000	750,000	
	Vừ Thị Vỹ		2005		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
3	Vàng Súa Sinh				Chủ hộ	Huổi Meo	12	1	750,000	750,000	
	Vàng Thị Ganh		08/4/2009		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
4	Hồ A Sùng				Chủ hộ	Huổi Meo	6	1	750,000	750,000	
	Hồ Thị Vá		2015		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
5	Lý A Chông				Chủ hộ	Bản Pú Chả	8	1	750,000	750,000	
	Lý Văn Hảy	2019			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
6	Lý A Chá				Chủ hộ	Bản Pú Chả	13	1	750,000	750,000	
	Lý A Tú	2019			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
7	Vừ A Khua				Chủ hộ	Bản Pú Chả	8	1	750,000	750,000	
	Vừ A Lị	2018			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
8	Lý A Sỏ				Chủ hộ	Pú Múa	9	1	750,000	750,000	
	Lý A Di	2009			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
9	Giàng A Chính				Chủ hộ	Bản Kết Tinh	8	2	750,000	1,500,000	
	Giàng Thị Chi		2016		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Dừa		2017		Con						
10	Lò Văn Đông	1981			Chủ hộ	Púng Giắt II	5	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Lò Thị Vạt		1986		Vợ	Púng Giắt II					Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su

TT	Họ	Ngày, tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/tháng X 3 tháng = 750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
11	Lò Thị Pu				Chủ hộ	Púng Giắt II	6	1	750,000	750,000	
	Lò Thị Sơ		1996		Con dâu	Púng Giắt II					Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
12	Lý Văn Thìn	1995		040679067	Chủ hộ	Púng Giắt II	3	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Quàng Thị Nghiệp		1996		Vợ	Púng Giắt II					Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
13	Lò Văn Thủy	1991			Chủ hộ	Púng Giắt II	5	1	750,000	750,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
14	Lò Ngọc Lan				Chủ hộ	Púng Giắt II	5	2	750,000	1,500,000	
	Lò Văn Sâm	1994			Cháu	Púng Giắt II					Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Lò Thị Nhung		1992		Cháu dâu	Púng Giắt II					Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
15	Cà Văn Tâm	1994		040690333	Chủ hộ	Bản Huổi Vang	4	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Lò Thị Hải		1994		Vợ	Bản Huổi Vang					Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
16	Lý A Khoa	1995		040679377	Chủ hộ	Bản Huổi Ho	4	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Mùa Thị Sía		1996		Vợ	Bản Huổi Ho					Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
17	Lầu A Dính	1979			Chủ hộ	Huổi Nhả	10	3	750,000	2,250,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Giàng Thị Khua		1982		Vợ	Huổi Nhả					Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Lầu A Đông	2001			Con	Huổi Nhả					Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
18	Giàng A Dia	1975			Chủ hộ	Huổi Nhả	7	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Lầu Thị Sùng		1975		Vợ	Huổi Nhả					Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
19	Cháng A Tủa	1991			Chủ hộ	Pú Múa	5	1	750,000	750,000	
	Mùa Thị Dính		1986		Vợ	Pú Múa					Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
20	Vừ A Khai	1995			Chủ hộ	Pú Múa	4	1	750,000	750,000	
	Mùa Thị Đế		1995		Vợ	Pú Múa					Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Cộng: 20 hộ						131	29	750,000	21,750,000	

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
IX	Xã Sa Long										
1	Hồ Xế Sùng	1972			Chủ hộ	Bản Chiêu Ly	11	1	750,000	750,000	
	Hồ Thị Hoàn Ngọc		2016		Con	Bản Chiêu Ly					Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
2	Hồ Giồng Di	1986			Chủ hộ	Bản Chiêu Ly	7	1	750,000	750,000	
	Hồ Quan Hải		2017		Con	Bản Chiêu Ly					Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
3	Hồ Thị Say		1961	040122946	Chủ hộ	Bản Chiêu Ly	5	2	750,000	1,500,000	
	Lý Thị Mỹ	1994			Con dâu	Bản Chiêu Ly					Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Hồ A Huy		2014		Cháu	Bản Chiêu Ly					Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
4	Tráng A Dừng	1990			Chủ hộ	Bản 36	5	1	750,000	750,000	
	Tráng Chi Won	2012			Con	Bản 36					Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Cộng: 04 hộ						28	5	750,000	3,750,000	
X	Xã Huổi Mí										
1	Vàng Dù Po	01/01/1982			Chủ hộ	Pa Soan I	8	2	750,000	1,500,000	
	Vàng Thị Dính		09/09/2000		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Vàng Thị Ghừ		01/12/2003		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
2	Cứ A Làng	10/9/1997			Chủ hộ	Pa Soan I	6	1	750,000	750,000	
	Cứ Thị Rua		21/09/2016		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
3	Giàng A Chu	10/10/1988			Chủ hộ	Pa Soan I	5	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Cúc		04/07/2019		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
4	Sình A Sếnh	1965			Chủ hộ	Huổi Mí 2	9	1	750,000	750,000	
	Sình A Minh	15/11/2008			Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
5	Lầu A Súa	01/01/1985			Chủ hộ	Lùng Thàng 2	6	6	750,000	4,500,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu hộ
	Giàng Thị Đình		01/01/1986		Vợ						
	Lầu A Lan	12/07/2007			con						
	Lầu Thị Hoa		18/02/2009		con						
	Lầu Ánh Sáng	11/12/2012			con						
	Lầu Thúy Gi		21/8/2015		con						
6	Hạng A Ký	1982			Chủ hộ	Huổi ít	9	1	750,000	750,000	
	Hạng Thị Pàng		10/09/2003		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
7	Vừ A Khoa	1978			Chủ hộ	Huổi ít	15	1	750,000	750,000	

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Vừ A Phình	29/07/2019			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
8	Vừ Nụ Páo	1974			Chủ hộ	Huổi ít	10	1	750,000	750,000	
	Vừ Thị Cú		2008		con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
9	Sùng A Ninh	1984			Chủ hộ	Pa Ít	5	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Pàng		2002		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
10	Lò Văn Song	11/01/1972			Chủ hộ	Pa Ít	10	1	750,000	750,000	
	Cháng Thị Hương		02/11/1999		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
11	Vừ Giồng Hờ	1971			Chủ hộ	Lùng Thàng 1	8	1	750,000	750,000	
	Vừ Thị Chua		2007		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
12	Lý A Là	1980			Chủ hộ	Lùng Thàng 1	7	1	750,000	750,000	
	Ly Thị Gù		24/01/2003		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
13	Giàng Thị Váng	10/6/1989			Chủ hộ	Huổi Mí I	3	1	750,000	750,000	
	Vừ Thị Ka		20/02/2018		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
14	Vừ Phái Cho	1973			Chủ hộ	Huổi Mí I	10	2	750,000	1,500,000	
	Vừ Thị Sùng		07/11/2004		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Họ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Vừ Thị Hà		09/09/2018		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
15	Lầu A Phía	1979			Chủ hộ	Huổi Mí I	7	2	750,000	1,500,000	
	Lầu Thị Cờ		08/07/2004		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Lầu Thị Chứ		12/11/2005		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
16	Hờ A Đình	10/9/1969			Chủ hộ	Huổi Mí I	6	1	750,000	750,000	
	Hờ Thị Trừ		12/12/2000		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
17	Sùng A Pó (Nỗ Páo)	1990			Chủ hộ	Huổi Mí I	10	2	750,000	1,500,000	
	Sùng Thị Cá		27/07/2003		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Vàng Thị Ly		08/08/2015		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
18	Giàng A Sầu	1989			Chủ hộ	Huổi Mí I	9	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Sua		02/03/1999		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
19	Hờ A Phía	1992			Chủ hộ	Huổi Mí I	6	1	750,000	750,000	
	Hờ Thị Dứa		25/03/2018		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
20	Giàng A Dơ	06/7/1972			Chủ hộ	Huổi Mí I	11	1	750,000	750,000	
	Giàng Đô Út	14/2/2019			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
21	Mùa A Vừ	22/4/1994			Chủ hộ	Huổi Mí I	5	1	750,000	750,000	
	Mùa A Quan	12/02/2019			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
22	Thào Chờ Sùng	03/7/1992			Chủ hộ	Huổi Mí I	4	1	750,000	750,000	
	Thào Thị Chi Liên		10/02/2018		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
23	Giàng A Phê	1982			Chủ hộ	Pa Soan 2	8	2	750,000	1,500,000	
	Giàng Thị Đào		2001		Chị						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Lai		2005		em						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
24	Thào Giồng Mùa	10/02/1972			Chủ hộ	Huổi Xuân	5	2	750,000	1,500,000	
	Giàng Thị Sênh		01/01/1974		Vợ						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Thào A Phía	04/02/2003			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
25	Lầu A Phình	02/7/2001			Chủ hộ	Huổi Xuân	3	1	750,000	750,000	
	Lầu Thị Xia		09/12/2007		Em						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
26	Giàng Sông Phong	1978			Chủ hộ	Huổi Xuân	7	1	750,000	750,000	
	Thào Thị Va		10/09/2004		Con Dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
27	Giàng A Chảy	1988			Chủ hộ	Huổi Xuân	7	1	750,000	750,000	

TT	Họ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Giàng Thị Mò		25/7/2019		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
28	Hờ A Sào	1982			Chủ hộ	Pa Soan II	8	1	750,000	750,000	
	Hờ A Chua		2018		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
29	Hồ A Vàng	1980			Chủ hộ	Pa Soan II	4	1	750,000	750,000	
	Hồ Thị Dung		2013		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
30	Giàng A Sú	1995			Chủ hộ	Pa Soan II	4	2	750,000	1,500,000	
	Sùng Thị Dĩa		1964		Mẹ					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Phương		2000		Em gái						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
31	Giàng Chồng Sính(Trùng)	01/01/1971			Chủ hộ	Huổi Mí 2	10	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Dớ		2002		Con dâu					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
32	Sùng A Dơ	19/12/2002			Chủ hộ	Huổi Mí 2	8	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Dợ		25/03/1984		Em gái					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
33	Giàng A Sớ	1984			Chủ hộ	Huổi Mí 2	3	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Lê		2019		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
34	Sinh A Sếnh				Chủ hộ	Huổi Ít	8	1	750,000	750,000	

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Sinh A Minh	2008			Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
35	Sùng A Chua	1990			Chủ hộ	Huổi Mí 2	6	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Mi		2019		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
36	Lò Văn Chính	13/04/1990			Chủ hộ	Long Tạo	6	1	750,000	750,000	
	Lò Thị Doan		2011		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
37	Lù Văn Hồng (Hùng)	20/11/1975			Chủ hộ	Long Tạo	5	1	750,000	750,000	
	Lù Khánh Duy		2019		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
38	Giàng Văn Lả	15/12/1987			Chủ hộ	Long Tạo	6	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Hoan		2019		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
39	Giàng Văn Minh	1957			Chủ hộ	Long Tạo	9	1	750,000	750,000	
	Giàng Văn Diện		2019		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
40	Giàng Văn Phan	1981			Chủ hộ	Long Tạo	4	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Quỳnh		2019		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
41	Giàng Văn Ôn	1970			Chủ hộ	Long Tạo	5	1	750,000	750,000	
	Giàng Văn Tuyển	2004			Em trai					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
42	Lầu A Súa	1984			Chủ hộ	Lùng Thàng II	6	6	750,000	4,500,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu hộ
	Giàng Thị Dính		1986		Vợ						
	Lầu A Lan	2007			Con						
	Giàng Thị Hoa		2009		Con						
	Giàng Ánh Sáng	2012			Con						
	Giàng Thúy Di		2015		Con						
43	Lầu A Dính	01/01/1979			Chủ hộ	Pa Soan I	12	1	750,000	750,000	
	Lầu Thị Mo		1999		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
44	Giàng A Chu	10/10/1988			Chủ hộ	Pa Soan I	5	1	750,000	750,000	
	Giàng A Bình	2016			Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
45	Lý Giồng Nhè (A Nhè)	01/01/1979			Chủ Hộ	Pa Soan I	7	1	750,000	750,000	
	Lý Thị Lìa		2002		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
46	Lầu Chái Lừ	01/01/1974			Chủ hộ	Pa Soan I	10	1	750,000	750,000	
	Lầu Thị Song		2004		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Cộng: 46 hộ						325	63	750,000	47,250,000	

TT	Họ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
XI	Xã Hừa Ngải										
1	Giàng A Sinh	1993			Chủ Hộ	Bản Há Là Chủ A	4	1	750,000	750,000	
	Giàng Đức Hải	2019			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
2	Vàng Chứ Phòng	01/01/1966			Chủ Hộ	Bản Há Là Chủ B	9	1	750,000	750,000	
	Vàng T Ngọc Duyên		21/7/2019		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
3	Lý Vạn Sinh	1971			Chủ hộ	Phua Di Tổng	6	3	750,000	2,250,000	
	Mùa Thị Pàng		1961		Vợ						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Thào A Ban	2000			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Thào Thị Dung		2010		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
4	Giàng Giồng Hồ	17/8/1977			Chủ hộ	Bản San Súi	9	7	750,000	5,250,000	
	Giàng Thị Chía		11/09/1978		Vợ						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Mỹ		27/6/2000		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Đơ		27/10/2004		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng A Khoa	26/7/2006			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng A Dừa	03/09/2012			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Vàng Thị Tùng		06/12/2000		Con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng T Vân Luy		10/05/2018		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
5	Giàng Giồng Hờ	10/04/1970			Chủ hộ	Bản San Súi	11	1	750,000	750,000	
	Giàng A Tùng	23/5/1993			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
6	Thào A Sáng	09/01/1987			Chủ Hộ	Bản San Súi	5	1	750,000	750,000	
	Hồ Thị Sế		26/02/1998		Vợ						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
7	Sùng A Lờ	1976		040354484	Chủ hộ	San Súi	11	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Dinh		2010		Con						Bổ sung do lập nhằm đối tượng BTXH
8	Giàng Khoa Chia (Khua)	1972			Chủ hộ	Há Là Chủ A	7	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Tuyết Lan		2018		Cháu					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
9	Giàng Hạnh Lồng (A)	16/08/1980			Chủ Hộ	Bản San Súi	9	1	750,000	750,000	
	Giàng Xuân Nhí		2016		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
10	Thào A Thàng	10/05/1981			Chủ Hộ	Bản San Súi	6	2	750,000	1,500,000	
	Thào Thị Hái		2003		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Thào Thị Đór		2004		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Họ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
11	Thào A Giồng (Tiền)	1989			Chủ hộ	Há Là Chủ A	4	1	750,000	750,000	
	Thào Thị Tuyết Băng		2019		Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
12	Giàng A Dù	1993			Chủ hộ	Hát Tre	6	1	750,000	750,000	
	Giàng A Su	2017			Con					0	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Cộng: 12 hộ						87	21	750,000	15,750,000	
XII	Xã Sá Tổng										
1	Giàng A Dính (B)	01/01/1983		040678698	Chủ Hộ	Bản Hàng Mùa Lừ	9	2	750,000	1,500,000	
	Giàng Thị Nà		05/04/2014		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Nại		13/06/2016		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
2	Giàng Chờ Vư	01/05/1969		040407052	Chủ Hộ	Bản Hàng Mùa Lừ	4	1	750,000	750,000	
	Giàng A Cương	24/07/2017			cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
3	Sùng Chứ Dình	1983		040678635	Chủ Hộ	Bản Hàng Mùa Lừ	7	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Pà Chim		08/01/2018		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
4	Sùng A Chí	1997			Chủ hộ	Bản Hàng Mùa Lừ	9	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Pà Săng		07/01/2018		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
5	Sùng A Ninh	16/9/1987			Chủ hộ	Bản Hàng Mùa Lừ	7	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Síc		09/02/2018		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
6	Ly A Nhè	7/3/1989			Chủ hộ	B. Háng Mùa Lừ	5	2	750,000	1,500,000	
	Ly Thị E		31/12/2017		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Ly A Chủ	03/12/2018			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
7	Sùng Chừ Tung	15/1/1977			Chủ hộ	B. Háng Mùa Lừ	9	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Dừa		20/11/2004		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
8	Ly A Dơ	1978			Chủ hộ	B. Háng Mùa Lừ	12	1	750,000	750,000	
	Ly Thị Váng		20/01/2014		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
9	Giàng A Sừ	1989			Chủ hộ	B. Háng Mùa Lừ	7	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Sinh		10/04/2013		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
10	Giàng Bì Phứ	1960			Chủ hộ	B. Háng Mùa Lừ	14	1	750,000	750,000	
	Giàng A Yêu	18/10/2019			cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
11	Giàng Chồ Ma	11/9/1972		040678696	Chủ hộ	B. Háng Mùa Lừ	15	4	750,000	3,000,000	
	Sùng Thị Sá		01/01/1994		Con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Họ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Giàng A Kia	18/03/2013			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng A Lương	05/01/2019			cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Chinh		03/06/1998		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
12	Sùng Giồng Hạ	5/7/1987		040678592	Chủ hộ	B. Háng Mùa Lừ	8	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Hờ		29/03/2018								Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
13	Sùng Chá Páo	10/4/1954			Chủ hộ	B. Háng Mùa Lừ	9	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Nù		02/09/2017								Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
14	Vừ A Chá	5/12/1962			Chủ hộ	B. Háng Mùa Lừ	12	5	750,000	3,750,000	
	Ly Thị Dợ		01/01/1996		Con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Xia		29/06/1999		Con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Vừ A Qua	09/01/2016			Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Vừ Thị Đoàn		03/02/2016		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Vừ Thị Trà		07/06/2017		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
15	Sùng A Hóa	29/06/1993		040433357	Chủ hộ	Bản Xà Phìn I	3	1	750,000	750,000	
	Sùng A Sa	10/07/2010			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
16	Giàng Phái Sinh	4/5/1986			Chủ hộ	Bản Xà Phìn I	8	1	750,000	750,000	
	Giàng A Dành	08/11/2015			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
17	Thào A Lầu	1997			Chủ hộ	Bản Xà Phìn I	5	1	750,000	750,000	
	Thào A Canh		07/08/019		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
18	Giàng A Thống	1984		040677368	Chủ hộ	Bản Xà Phìn I	4	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Dia		01/01/2004								Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
19	Sùng A Cửa	5/6/1987		040433989	Chủ Hộ	Bản Đẻ Dê	8	3	750,000	2,250,000	
	Sùng Cháy Thào	19/03/1934			Bố						Bổ sung do lập nhằm đối tượng BTXH
	Vàng Thị Cở		02/03/1940		Mẹ						Bổ sung do lập nhằm đối tượng BTXH
	Sùng Mạnh Hồng	06/03/2018			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
20	Giàng A Đăng	29/04/1993		040675506	Chủ Hộ	Bản Đẻ Dê	3	2	750,000	1,500,000	
	Giàng A Chợ	20/07/2014			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Tinh		24/04/2016		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
21	Sùng A Sú	12/11/1989		04033065	Chủ Hộ	Bản Đẻ Dê	9	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Nùng		16/08/2007		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Họ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Sùng Thị Bìa		20/08/2019		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
22	Sùng A Sá	1996		040680766	Chủ Hộ	Bản Đề Đề	6	1	750,000	750,000	
	Sùng A Đoàn	27/07/2019			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
23	Giàng A Sùng	5/3/1994		040446798	Chủ Hộ	Bản Đề Đề	10	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Pà		19/08/2018		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
24	Sùng Và Khai	01/01/1974		040682308	Chủ Hộ	Bản Đề Đề	2	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Cá		20/10/2005		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
25	Giàng Chừ Đình	1959			Chủ Hộ	Bản Đề Đề	9	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Sây		09/08/2001		Con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
26	Giàng A Xá	11/11/1990		040446788	Chủ Hộ	Bản Đề Đề	7	1	750,000	750,000	
	Giàng A Chua	28/05/2017			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
27	Giàng A Cú (A)	1994		040446854	Chủ Hộ	Bản Đề Đề	5	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Xi		26/12/2018		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
28	Sùng A Sính	10/9/1992			Chủ Hộ	Bản Đề Đề	6	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Nhè		30/11/2014		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
29	Sùng Trồng Chở	14/2/1973		040341943	Chủ hộ	Bản Đề Dê	8	2	750,000	1,500,000	
	Sùng A Phía	30/08/2012			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Sùng Thị Mỹ		02/09/1997		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
30	Sùng A Di (b)	12/10/1970		040334656	Chủ Hộ	Bản Đề Dê	14	1	750,000	750,000	
	Sùng A Sá	04/08/1998			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
31	Giàng A Thảo	06/11/1994			Chủ Hộ	Bản Đề Dê	4	1	750,000	750,000	
	Giàng A Phòng	29/05/2017			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
32	Hờ Gà Va	1985		040675371	Chủ hộ	Bản Đề Dê	8	1	750,000	750,000	
	Hờ A Thương	10/01/2018			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
33	Sùng A Dế (C)	30/1/1990			Chủ hộ	Bản Đề Dê	6	1	750,000	750,000	
	Sùng A Chở	11/05/2016									Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
34	Sùng A Di (A)	06/07/1976			Chủ hộ	Bản Phi Hai	7	2	750,000	1,500,000	
	Sùng Thị Dung		11/09/2004		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Dung		17/02/2001		Con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
35	Sùng A Sính	04/10/1988			Chủ hộ	Bản Phi Hai	5	1	750,000	750,000	

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Sùng Thị Lìa		23/02/2011		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
36	Sùng Chông Giàng	1968			Chủ hộ	Bản Phi Hai	12	3	750,000	2,250,000	
	Ly Thị Dứa		12/02/2001		Con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Sùng Thị Hóa		07/11/2017		cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Sùng Thị Hê		15/12/2018		cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
37	Giàng A Sự	1987		040474550	Chủ hộ	Bản Phi Hai	6	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Tuyết Mai		12/07/2018		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
38	Hờ A Phử	01/01/1993			Chủ hộ	Bản Phi Hai	8	1	750,000	750,000	
	Hờ A Dơ	1995			Em trai						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
39	Sùng A Chớ (B)	10/01/1993			Chủ hộ	Bản Phi Hai	5	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Sinh		03/08/2011		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
40	Hờ A Dia	01/01/1986			Chủ hộ	Bản Phi Hai	5	1	750,000	750,000	
	Hờ A Nhè	29/11/2005			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
41	Giàng A Dơ (A)	1982			Chủ hộ	Bản Phi Hai	5	3	750,000	2,250,000	
	Giàng Thị Dung		10/06/2009		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Họ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Giàng A Phong	10/10/2010			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Ông		26/06/2014		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
42	Hờ A Páo (B)	1976			Chủ hộ	Bản Phi Hai	10	3	750,000	2,250,000	
	Ly Thị Pa		07/11/1999		Con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Hờ A Hoàn	10/06/2013			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Hờ Thị Chua		09/01/2003		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
43	Sùng A Cở	01/01/1990			Chủ hộ	Bản Phi Hai	8	3	750,000	2,250,000	
	Sùng Thị Ong		14/07/2008		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Sùng Thị Xua		20/10/2013		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Hờ Thị Mỹ		01/01/1938		Mẹ						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
44	Hờ Chái Sá	1973		040678709	chủ hộ	Bản Sá Ninh	7	1	750,000	750,000	
	Hờ Thị Dia		18/03/2004								Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
45	Vàng Chùng Va	10/11/1976			chủ hộ	Bản Sá Ninh	10	3	750,000	2,250,000	
	Vàng A Chua	15/05/1995			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Dợ		25/06/1999		con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Vàng Thị Hương		25/06/2016		cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
46	Giàng Giã Pù	03/06/1974		040678650	Chủ hộ	Bản Sá Ninh	11	4	750,000	3,000,000	
	Giàng A Dờ	24/07/2014			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Dợ		25/02/2016		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Vàng Thị Giàng		15/08/1999		con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Cống		28/08/2016		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
47	Sùng A Tú	01/01/1973			chủ hộ	Bản Sá Ninh	12	3	750,000	2,250,000	
	Vàng Thị Ấa		01/01/175		vợ hai						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Sùng Thị Bấu		24/04/1998		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Sùng A Hùng	04/02/2006			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
48	Giàng A Vừ	16/11/1992		040446533	Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	7	2	750,000	1,500,000	
	Giàng A Vi	23/07/2011			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Lia		08/08/2018		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
49	Hờ A Hải	1/1/1990		040683537	Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	6	1	750,000	750,000	
	Hờ Thị Pa		15/03/2017		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Họ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
50	Giàng A Vư	1990		040679703	Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	9	2	750,000	1,500,000	
	Giàng Trừ Ly	1960			Bố						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Vừ Thị Dính		1970		mẹ						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
51	Hồ A Bình	10/10/1992			Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	5	1	750,000	750,000	
	Hồ Thị Nhè		22/10/2015		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
52	Hồ A Tủa	1/1/1984		040407052	Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	7	2	750,000	1,500,000	
	Hồ Thị Dừng		2010		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Hồ Thị Đór		2003		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
53	Giàng Pà Trai	08/08/1984		040474719	Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	8	1	750,000	750,000	
	Giàng A Lanh Phông	04/02/2018			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
54	Giàng A Lầu	29/07/1992			Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	5	1	750,000	750,000	
	Giàng A Long	17/2/2016			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
55	Giàng Bia Tú	1982		040675772	Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	6	2	750,000	1,500,000	
	Giàng A Chớ	14/06/2009			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Máy		18/11/2017		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
56	Vàng A Trầu	02/11/1992		040680761	Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	9	3	750,000	2,250,000	
	Sùng Thị Gênh		01/01/1968		mẹ						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Vàng A Chia	04/03/1996			Em trai						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Vàng A Sinh	18/11/2012			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
57	Vàng A Tú	26/03/1995		040679323	Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	7	2	750,000	1,500,000	
	Vàng A Thiên	30/12/2014			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Vàng A Cường	04/07/2016			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
58	Hờ Vàng Sinh	1979		040675313	Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	8	2	750,000	1,500,000	
	Hờ A Ninh	26/09/2002			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Hờ A Trai	12/03/2019			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
59	Hờ Xì Lồng	08/11/1950		040680645	Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	8	2	750,000	1,500,000	
	Hờ Thị Sú		17/11/2016								Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Hờ A Thư	06/10/2018									Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
60	Sùng Chờ Lử	10/04/1976		040679313	Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	9	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Dợ		07/11/2014		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
61	Giàng Nhè Chu	12/07/1982		040681181	Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	10	2	750,000	1,500,000	
	Sùng Thị Bìa		27/05/1956		Mẹ						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Dính		23/11/2002		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
62	Hờ A Cộn	1/1/1986			Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	6	2	750,000	1,500,000	
	Hờ A Trà	01/12/2016			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Hờ A Trai	09/12/2018			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
63	Sùng A Dờ	01/01/1991			Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	6	2	750,000	1,500,000	
	Sùng A Chá	04/10/2015			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Sùng A Linh	18/05/2018			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
64	Sùng A Nhè	02/04/1991		040386793	Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	6	2	750,000	1,500,000	
	Sùng Thị Mỹ Hoa		22/10/2013		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Sùng Thị Si		20/09/2015		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
65	Giàng A Cầu	1993		040677541	Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	6	2	750,000	1,500,000	
	Giàng A Nù	26/04/2017			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Di		06/12/2019		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Họ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
66	Sùng A Dờ (B)	15/10/1965		040089124	Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	8	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Sài		03/09/2018		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
67	Giàng Súa Tính	06/03/1982		040678577	Chủ hộ	Bản Dế Da	7	2	750,000	1,500,000	
	Giàng Thị Nhánh		29/12/2002		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Táo		13/11/2007		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
68	Giàng A Chia	10/03/1994			Chủ hộ	Bản Dế Da	12	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Hòa		15/04/1999		Em						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
69	Giàng Giả Chua	1971			Chủ hộ	Bản Dế Da	7	4	750,000	3,000,000	
	Giàng A Hòa	12/10/1992			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Hờ Thị Lầu		03/12/1992		Con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Xinh		07/05/2013		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng A Trình	09/07/2015			Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
70	Giàng A Dua	27/02/1993			Chủ hộ	Bản Dế Da	13	3	750,000	2,250,000	
	Giàng A Long	07/11/1998									Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Hờ Thị Đór		27/08/1999								Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Hồ Thị Mỹ		19/05/2000								Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
71	Giàng Phái Lữ	1976			Chủ hộ	Bản Dế Da	8	2	750,000	1,500,000	
	Giàng A Tùng	24/10/2019									Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng A Nù	21/11/2012									Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
72	Giàng A Bình	10/12/1984			Chủ hộ	Bản Dế Da	14	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Nan		18/12/1987		em						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
73	Giàng A Chía	18/10/1988			Chủ hộ	Bản Dế Da	4	1	750,000	750,000	
	Giàng Pó Hộ	24/11/2016			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
74	Hồ Giả Đình	04/10/1982			Chủ hộ	Bản Dế Da	8	1	750,000	750,000	
	Hồ A Cửa		06/02/2000		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
75	Hồ Sáy Páo	20/04/1954			Chủ hộ	Bản Dế Da	13	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Sú		16/07/1996		Con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
76	Sùng A Cờ	1986			Chủ hộ	Bản Dế Da	8	1	750,000	750,000	
	Sùng Mạnh Thiên		06/07/2019		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
77	Giàng A Thê	1971			Chủ hộ	Bản Dế Da	9	3	750,000	2,250,000	

TT	Họ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Giàng Thị Lù		03/08/2015		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Sinh Dinh		21/08/2018		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng A Hoa	04/03/2017			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
78	Giàng Nỏ Hử	1976			Chủ hộ	Bản Dế Da	7	2	750,000	1,500,000	
	Giàng A Sinh		12/08/2010		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng A Quý		20/08/2012		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
79	Hờ A Hạ	01/01/1974			Chủ hộ	Bản Dế Da	8	1	750,000	750,000	
	Hờ Thị Hòa		25/03/2006		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
80	Ly Thị Thảo		01/01/1989		Chủ hộ	Bản Dế Da	2	1	750,000	750,000	
	Giàng A Sinh	04/03/2012			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
81	Sùng A Hờ	15/1/1979			Chủ hộ	Bản Sá Tổng	9	3	750,000	2,250,000	
	Sùng Thị Máy		03/09/2003		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Sùng A Vành	11/07/2006			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
82	Hờ Nhè Phía	1973			Chủ hộ	Bản Sá Tổng	7	7	750,000	5,250,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu hộ
	Sùng Thị Cáy		1974		Vợ						

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Hồ A Cử	06/04/1999			con						
	Hồ Thị Dung		07/08/2004		con						
	Hồ A Chu	15/08/2009			con						
	Giàng Thị Cú		10/09/2000		con						
	Hồ A Quý	14/07/2019			Cháu						
83	Sùng A Chai	1991		040675658	Chủ hộ	Bản Sá Tổng	8	1	750,000	750,000	
	Sùng A Châu	13/01/2018			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
84	Vàng Chờ Xá	01/01/1974		040691484	Chủ hộ	Bản Sá Tổng	10	2	750,000	1,500,000	
	Vàng A Sùng	25/06/2006			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Vàng A Tuấn	25/05/2017			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
85	Hồ Chừ Ma	03/4/1969			Chủ hộ	Bản Sá Tổng	11	2	750,000	1,500,000	
	Hồ Trường Chính	30/04/2017									Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Hồ Cá Lia		25/10/2019								Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
86	Vàng A Di	11/7/1978		040408946	Chủ hộ	Bản Sá Tổng	9	2	750,000	1,500,000	
	Vàng Thị Sính		01/01/2011		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Họ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Vàng Thị Nhi		05/10/2017		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
87	Hờ A Trầu	17/9/1978			Chủ hộ	Bản Sá Tổng	8	2	750,000	1,500,000	
	Hờ A Thà	04/10/2015			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Hờ A Chương	22/02/2018			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
88	Sùng Chờ Chá	1962		040089611	Chủ hộ	Bản Sá Tổng	8	2	750,000	1,500,000	
	Sùng A Tỷ	2006			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Sùng Thị Máy		2009		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
89	Sùng A Phía	1/1/1974		040678624	Chủ hộ	Bản Trung ghênh	8	2	750,000	1,500,000	
	Hờ Thị Hạnh		04/10/2004		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Sùng Thị Đĩa		23/08/2018		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
90	Vàng A Thảo	1/1/1979			Chủ hộ	Bản Trung ghênh	8	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Sùng		01/02/1998		Con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
91	Vàng A Tá	01/01/1991		040446727	Chủ hộ	Bản Trung ghênh	7	1	750,000	750,000	
	Vàng Thị Và		01/01/2006		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Thị Hiệp		19/11/2000		em dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X 3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
92	Vàng Vả Dơ	1/1/1974		040678608	Chủ hộ	Bản Trung ghênh	14	1	750,000	750,000	
	Vàng A Chương	09/07/2015			Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
93	Sùng A Chung	01/01/1991		040433434	Chủ hộ	Bản Trung ghênh	8	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Dia		22/10/2012		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
94	Vàng A Bình	02/09/1975		040336324	Chủ hộ	Bản Trung ghênh	10	1	750,000	750,000	
	Vàng Thị Súa		15/06/2012								Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
95	Vàng A Di	1/1/1991		040678642	Chủ hộ	Bản Trung ghênh	5	1	750,000	750,000	
	Vàng A Húa	22/07/2016			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
96	Sùng Sáu Phòng	1/1/1964			Chủ hộ	Bản Trung ghênh	14	3	750,000	2,250,000	
	Hờ Thị Đỡ		05/08/2000		Con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Sùng Thái Xuân	07/02/2018			cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Sùng Đỗ Chuyên	23/12/2018			cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
97	Sùng Trùng Hờ	1/1/1986			Chủ hộ	Bản Trung ghênh	9	3	750,000	2,250,000	
	Sùng Thị Dính		03/12/2012		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Sùng Trường Sơn	08/02/2015			Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày, tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/tháng X 3 tháng = 750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Sùng Thị Thúy		05/11/2018		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
98	Hồ Chá Phừ	1/1/1962			Chủ hộ	Bản Trung ghênh	9	2	750,000	1,500,000	
	Hồ A Dình	01/01/1991			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Sùng Thị Trừ		01/01/1996		Con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Cộng: 98 hộ						781	170	750,000	127,500,000	
	Tổng cộng: 288 hộ						2,096	445	750,000	333,750,000	

Tổng số: Số người hỗ trợ bổ sung: 445 người; Số tiền: 333.750.000 đồng; Bằng chữ: Ba trăm ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Điện Biên, ngày 05 tháng 02 năm 2021

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vừ A Bằng

53

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

DANH SÁCH BỔ SUNG NGƯỜI THUỘC HỘ CẬN NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MUỜNG CHÀ

(Kèm theo Quyết định số 154 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
A	B						1	2	3	4=2*3	
I	Xã Pa Ham										
1	Nguyễn Văn Tân	16/4/1970		040407299	Chủ hộ	Bản Pa Ham	8	8	750,000	6,000,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu hộ
	Lò Thị Điện		08/02/1970		Vợ	Bản Pa Ham					
	Nguyễn Văn Phợi	04/7/1991			Con	Bản Pa Ham					
	Lò Thị Thoi		07/4/1996		Con dâu	Bản Pa Ham					
	Nguyễn Thị Phòng		02/4/199		Con	Bản Pa Ham					
	Nguyễn Phi Yên		01/01/2014		Cháu	Bản Pa Ham					
	Nguyễn Thị Phương		26/10/2015		Cháu	Bản Pa Ham					
	Nguyễn Bảo Khiêm	26/7/2017			Cháu	Bản Pa Ham					
	Cộng: 01 hộ						8	8	750,000	6,000,000	
II	Thị trấn Mường Chà										

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
1	Lò Văn Vánh	1948			Chủ hộ	TDP số 2	9	1	750,000	750,000	
	Lò Việt Bắc	10/2/2016			Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
2	Giàng A Cau	1/1/1983		040354492	Chủ hộ	TDP số 9	4	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Vàng Thị Thái		1/4/1983		Vợ						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
3	Sùng A Giàng	1978			Chủ hộ	TDP số 10	5	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Thào Thị Chu (Chô)		1979		Vợ						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
4	Lò Văn Phé	1955			Chủ hộ	TDP số 2	6	1	750000	750000	
	Lò Văn Hoàn	1984			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Cộng: 04 hộ						24	6	750,000	4,500,000	
III	Xã Na Sang										
1	Lò Văn Yên	1970			Cháu	Bản Co Đứa	4	1	750,000	750,000	
	Lò Văn Nam	2000			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
2	Lò Văn Thết	1985		040301853	Chủ hộ	Bản Co Đứa	4	1	750,000	750,000	
	Lò Văn Sơn	2000			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
3	Giàng A Lữ (Bi)	1968			Chủ hộ	Bản Huổi Xưa	8	1	750,000	750,000	
	Giàng Xuân Trường	2016			Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
4	Quàng Văn Lún	1961			Chủ hộ	Bản Na Sang	8	2	750,000	1,500,000	
	Quàng Văn Tam	1993			Con						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Lò Thị Hường		1995		Con dâu						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
5	Sùng A Tàng	1986			Chủ hộ	Bản Na Sang	4	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Quàng Thị Nhung		1989		Vợ						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
6	Lò Văn An	1992			Chủ hộ	Bản Na Sang	4	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Lò Thị Hợi		1997		Vợ						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
7	Lò Văn Đoàn	1994			Chủ hộ	Bản Na Sang	4	1	750,000	750,000	
	Quàng Thị Thương		1997		Vợ						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
8	Lò Văn Sừn	1969			Chủ hộ	Bản Hin I	7	1	750,000	750,000	
	Lò Văn Xoan (Soan)	1990			Con						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
9	Lường Văn Trung	1980			Chủ hộ	Bản Hin I	4	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Lường Thị Tinh		1981		Vợ						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
10	Lò Văn Xuân	1972			Chủ hộ	Bản Co Đứa	10	2	750,000	1,500,000	
	Lò Văn Thương	1993			Con						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Lò Thị Kỳ		1993		Con dâu						Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Cộng: 10 hộ						57	15	750,000	11,250,000	
IV	Xã Ma Thị Hồ										
1	Lý A Tùng	1979			Chủ hộ	Bản Nậm Chim	6	1	750,000	750,000	
	Lý Thị Bảo		2000		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
2	Hồ A Kỳ	1960		40124803	Chủ hộ	Bản Huổi Y	7	1	750,000	750,000	
	Hồ Thị Dí	2003			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
3	Giàng A Ký	1982			Chủ hộ	Bản Huổi Chua	10	2	750,000	1,500,000	
	Giàng Thị Hoàng Linh		2017		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Giàng Công Sênh	2019			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
4	Vàng A Ly	1959			Chủ hộ	Bản Huổi Chua	7	2	750,000	1,500,000	

57

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Vàng Bích Thảo		2018		cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Vàng Minh Đức	2019			cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
5	Cháng Chờ Sinh	1973			Chủ hộ	Bản Làng Dung	6	2	750,000	1,500,000	
	Cháng A Hờ	2001			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Cháng A Dung	2008			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Cộng : 05 hộ						36	8	750,000	6,000,000	
V	Xã Mường Mươn										
1	Quảng Văn Thanh	1966			Chủ hộ	Mường Mươn I	8	1	750,000	750,000	
	Quảng Thị Phương Anh		2015		Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
2	Lò Văn Thắng	1983		040675292	Chủ hộ	Púng Giắt II	7	1	750,000	750,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
3	Lò Văn Ẽn	1989		040474785	Chủ hộ	Púng Giắt II	4	1	750,000	750,000	Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
4	Quảng Thị Hương		1984		Chủ hộ	Mường Mươn I	4	1	750,000	750,000	
	Lường Văn Chuyên	1985			Chồng	Mường Mươn I					Bổ sung do không được hưởng hỗ trợ bên người lao động cao su
	Cộng: 04 hộ						23	4	750,000	3,000,000	

58

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
VI	Xã Sa Long										
1	Ly Chử Quán	1964			Chủ Hộ	Bản Thèn pả	8	3	750,000	2,250,000	
	Ly Hà Giang		2016		Cháu	Bản Thèn pả					Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Ly Tuấn Giang	2018			Cháu	Bản Thèn pả					Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Ly Thị Phương		2017		Cháu	Bản Thèn pả					Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
2	Sần Seo Ngẩn	1976			Chủ Hộ	Bản Thèn pả	6	1	750,000	750,000	
	Hồ Thùng Sếng		1978		Vợ	Bản Thèn pả					Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Cộng: 02 hộ						14	4	750,000	3,000,000	
VII	Xã Nậm Nền										
1	Sùng Chử Cháng				Chủ hộ	Bản Háng Trờ	10	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Tùng		2003		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Cộng: 01 hộ						10	1	750,000	750,000	
VII I	Xã Huổi Mí										
1	Lù Văn Lương	1977			Chủ hộ	Long Tạo	5	5	750,000	3,750,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu hộ

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Giàng Thị Liên		26/03/1979		Vợ						
	Giàng Thị Thu		24/09/2000		Con						
	Lù Văn Quý	26/04/2003			Con						
	Lù Văn Hương	29/04/2004			Con						
2	Hờ A Chờ	09/10/1968			Chủ hộ	Pa Soan 1	8	8	750,000	6,000,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu hộ
	Giàng Thị Kía		02/10/1969		Vợ						
	Hờ A Vàng	06/10/2002			Con						
	Hờ A Sinh	05/10/2003			Con						
	Hờ Thị Tăng		13/11/2011		Con						
	Giàng Thị Bóc		25/10/2004		Con dâu						
	Hờ Thanh Xuân	01/05/2019			Cháu						
	Hờ Thị Già		2001		Con						
3	Lầu Giống Chía	24/8/1962			Chủ hộ	Bản Pa Soan 1	9	1	750,000	750,000	
	Lầu Thị Sai		03/08/2003		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
4	Vàng Dũng Chá	10/10/1966			Chủ hộ	Lùng Thàng 2	8	1	750,000	750,000	
	Vàng Mạnh Cường	06/06/2014			con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
5	Cháng A Kháng	1972			Chủ hộ	Huổi ít	11	1	750,000	750,000	
	Cháng Thị Phua		2001		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
6	Thào Giồng Cua	1982			Chủ hộ	Huổi ít	13	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Mái		1951		Mẹ						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
7	Khoàng Pao Lâu	20/6/1961			Chủ hộ	Pa Ít	5	3	750,000	2,250,000	
	Khoàng Văn Dân	01/01/1999									Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Lò Thị Que		01/01/2000								Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Khoàng Văn Thái	14/11/2019									Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
8	Giàng A Đór	01/01/1965			Chủ hộ	Lùng Thàng 1	3	3	750,000	2,250,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu hộ
	Lý Thị Dọ		01/06/1905								
	Giàng A Nù	2006			Con						
	Thào Thị Sú		17/10/1992		Vợ						

81

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
9	Giàng A Sủ	1957			Chủ hộ		2	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu hộ
	Vừ Thị Mang		1959		Vợ						
10	Giàng A Chá	1979			Chủ hộ	Huổi Mí I	3	3	750,000	2,250,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu hộ
	Vừ Thị Dia		01/01/1980		Vợ						
	Giàng Thị Mua		20/01/2016		Con						
11	Sùng A Chia	1972			Chủ hộ	Huổi Mí I	7	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Bóc		2002		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
12	Vừ Sáu Sủ	1985			Chủ hộ	Huổi Mí I	5	1	750,000	750,000	
	Lý Thị Sinh		20/06/2004		con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
13	Giàng A Tú	1991			Chủ hộ	Huổi Mí I	5	1	750,000	750,000	
	Giàng Thi Bàu		2003		con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
14	Giàng A Páo	04/10/1990			Chủ hộ	Huổi Mí I	4	4	750,000	3,000,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu hộ
	Thào Thị Sỏ		05/02/2000		Vợ						
	Giàng Chí Đức	09/07/1015			con						

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Giàng Chí Công	07/03/2018			con						
15	Thào A Minh	1994		040392230	Chủ hộ	Huổi Mí I	6	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Dung		07/10/2006		con dâu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
16	Lù A Ty	1956			Chủ hộ	Huổi Mí 2	5	1	750,000	750,000	
	Lù A Vàng	01/01/2000			Cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
17	Cháng A Kháng	1972			Chủ hộ	Huổi ít	9	1	750,000	750,000	
	Cháng Thị Phua		2001		Con					-	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
18	Sùng Chừ Ly (Trừ)	1969			Chủ hộ	Pa Soan 2	11	1	750,000	750,000	
	Sùng Thị Ké		2005		Con					-	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
19	Giàng Chủ Sáng	1966			Chủ hộ	Huổi Mí II	5	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị May		2019		cháu					-	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
20	Giàng A Dính		01/09/1952		Chủ hộ	Huổi Mí 2	11	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Xuân	2019			Cháu					-	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
21	Thào Súa Vừ	1964			Chủ hộ	Huổi Mí II	10	2	750,000	1,500,000	

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Hạng Thị Lý		2002		Con dâu					-	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Thào Thị Năng		2019		Cháu					-	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
22	Lò Thị Ngẩn				Chủ hộ	Long Tạo	3	2	750,000	1,500,000	
	Lò Anh Quyền	2008			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Lò Huy Độc	2017			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
23	Vàng Dững Chá	10/10/1966			Chủ hộ	Lùng Thàng II	7	1	750,000	750,000	
	Vàng Mạnh Cường		2014		Cháu					-	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
24	Vàng Chá Phía	1997			chủ hộ	Lùng Thàng I	7	1	750,000	750,000	
	Vàng Thị Kia		2001		Con					-	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
25	Giàng A Sủ (Chờ Sủ)	1958			CHủ hộ	Lùng Thàng I	2	2	750,000	1,500,000	Bổ sung do lập danh sách thiếu hộ
	Vừ Thị Mang		1959		Vợ						
26	Cứ A Chu (Phái Chu)	1973			Chủ hộ	Pa Soan 1	9	1	750,000	750,000	
	Cứ Thị Chua		2002		Con					-	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
27	Vừ Phỏng Mách	1981			Chủ hộ	Huổi Xuân	6	1	750,000	750,000	

64

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cứoc công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Vừ Thị Dung		04/01/2002		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
28	Cháng Thị Ái	01/01/1988			Chủ hộ	Huổi ít	11	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Máy		1951		Mẹ					-	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Cộng: 28 hộ						190	52	750,000	39,000,000	
IX	Xã Hừa Ngải										
1	Giàng A Dừng	07/06/1990			Chủ Hộ	Bản San Súi	5	1	750,000	750,000	
	Giàng A Long	09/10/1999			Em trai						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
2	Lý Chia Kháng	1981		040385441	Chủ hộ	Bản Phua di tổng	5	1	750000	750,000	
	Lý Thị Bay		2001		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
3	Vàng Chủ Dính	01/01/1969		40354500	Chủ hộ	Phua Di Tổng	6	1	750,000	750,000	
	Vàng Thị Phương		2001		Con					-	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
4	Lý Chia Kháng	07/11/1981		40385411	Chủ hộ	Phua Di Tổng	5	1	750,000	750,000	
	Lý Thị Bay		2001		Con					-	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
5	Ly Dụ Di	1965			Chủ hộ	Hát Tre	7	2	750,000	1,500,000	

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Ly Thị Kía		2004		Con					-	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Ly Tuyết Việt	2019			Cháu					-	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Cộng: 05 hộ						28	6	750,000	4,500,000	
X	Xã Sá Tổng										
1	Giàng Chờ Cháng	01/01/1989			Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	9	1	750,000	750,000	
	Giàng Thị Sùng		15/07/2007		Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
2	Vàng Nhè Dính	1975			Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	9	1	750,000	750,000	
	Vàng Thị Sênh		21/08/2018		cháu						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
3	Giàng A Gấu	1986			Chủ hộ	Bản Xà Phìn II	6	1	750,000	750,000	
	Giàng A Dơ	18/05/2017			Con						Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
4	Vàng Chùng Páo	01/01/1973			Chủ hộ	Trung ghênh	15	1	750,000	750,000	
	Hờ Thị Dếnh		13/11/1947		Mẹ					-	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
5	Vừ A Dia	01/01/1988			Chủ hộ	Trung ghênh	6	1	750,000	750,000	
	Vừ A Thức		25/03/2017		Con					-	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu

66

TT	Hộ	Ngày,tháng, năm sinh		Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân	Quan hệ với chủ hộ	Địa chỉ nơi cư trú thôn, bản	Tổng số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ 250.000đ/ tháng X3 tháng =750.000đ	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
	Cộng: 05 hộ						45	5	750,000	3,750,000	
XI	Xã Huổi Lèng										
1	Lò Phử Lèng	1956			Chủ hộ	Bản Huổi Lèng	7	1	750,000	750,000	
	Lò Trang Thiện		2006		Cháu					-	Bổ sung do lập danh sách thiếu khẩu
	Cộng : 01 hộ						7	1	750,000	750,000	
	Tổng cộng: 66 hộ						442	110	750,000	82,500,000	

Tổng số: Số người hỗ trợ bổ sung: 110 người; Số tiền: 82.500.000 đồng; Bằng chữ: Tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn

Điện Biên, ngày 05 tháng 02 năm 2021

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vừ A Bằng